

**UBND QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG THCS LÊ QUÝ ĐÔN**

**MỤC TIÊU, MA TRẬN
ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ II
MÔN: HÓA HỌC 8
Năm học: 2021-2022**

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Kiểm tra đánh giá những kiến thức đã học về
- + Tính chất hóa học, tính chất vật lí, ứng dụng, điều chế oxi, hidro
- + Oxit
- + Sự oxi hóa, các loại phản ứng hóa học, không khí
- Rèn kĩ năng tính toán hóa học, tính theo phương trình hóa học, tính theo công thức hóa học

3. Thái độ:

- Học sinh có thái độ nghiêm túc khi làm bài, yêu thích môn học.

4. Năng lực:

- Năng lực tự học, tính toán, năng lực giải quyết vấn đề, sử dụng ngôn ngữ hóa học.

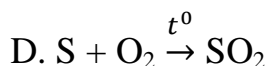
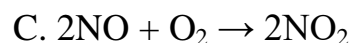
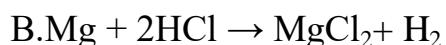
* **Hình thức kiểm tra:** 50% trắc nghiệm, 50% tự luận

II. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ II

STT	STT câu	Tên chủ đề	Phạm vi kiến thức	Mức độ nhận biết			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng thấp	Vận dụng cao
1	2	Oxit	Khái niệm	1			
2	6				1		
3	10		Phân loại và gọi tên oxi	1			
4	12			1			
5	13				1		
6	16					1	
7	7	Oxi	Tính chất vật lí	1			
8	8		Tính chất hoá học			1	
9	17		Ứng dụng và điều		1		

10	18		ché	1			
11	1	H ₂	Tính chất vật lí		1		
12	20		Tính chất hoá học			1	
13	15		Ứng dụng điều chế	1			
14	14			1			
15	3	Các loại phản ứng, không khí, sự cháy	Phân biệt các phản ứng hoá hợp, phân huỷ, thế	1			
16	4				1		
17	5		Khái niệm: sự oxi	1			
18	9		háo, sự cháy, thành	1			
19	11		phần không khí		1		
20	19				1		
21		Bài tập tổng hợp O ₂ , H ₂	PTHH liên quan đến H ₂ , O ₂	1			
22			Tính toán hoá học			1	
23							1
Tổng số câu				10	7	4	1
Tỉ lệ %				50%	17,5%	27,5%	5%
Tổng điểm				5	1,75	2,75	0,5

Câu 9: Phản ứng nào sau đây là phản ứng phân hủy?



Câu 10: Công thức hóa học của sắt(III) oxit là



Câu 11: Chọn từ thích hợp điền vào chỗ trống trong câu sau:

“.....là sự oxi hóa có tỏa nhiệt và phát sáng.”

A. Sự oxi hóa chậm

B. Sự cháy

C. Sự tự bốc cháy

D. Sự khử

Câu 12: Đinitơ oxit là tên của oxit nào?



Câu 13: Cho các chất sau: MgCO_3 , CuO , HgO , Ca(OH)_2 , P_2O_5 , KClO_3 có bao nhiêu chất là oxit?

A. 2

B. 3

C. 1

D. 4

Câu 14: Dùng khí hidro khử hoàn toàn 11,6 gam sắt từ oxit (Fe_3O_4). Thể tích khí hidro cần cho phản ứng ở (đktc) là

A. 4,48 lít.

B. 1,12 lít.

C. 6,72 lít.

D. 2,24 lít.

Câu 15: Khí Hidro dùng trong lĩnh vực nào sau đây?

A. Dùng làm nhiên liệu.

B. Cấp cứu bệnh nhân suy hô hấp.

C. Sản xuất bánh kẹo.

C. Dệt may.

Câu 16: Oxit vào sau đây có thành phần phần trăm khối lượng oxi nhỏ nhất?

(Cho NTK N = 14, Fe = 56, Al = 27, Cr = 52, O = 16)



Câu 17: Tính chất vật lí nào sau đây **không** phải của khí oxi?

A. không màu, không mùi, không vị.

B. ít tan trong nước.

C. nhiệt độ nóng chảy cao.

D. nặng hơn không khí.

Câu 18: Người ta thu khí oxi bằng phương pháp đẩy nước là do khí oxi có tính chất

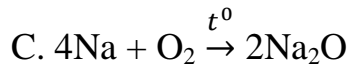
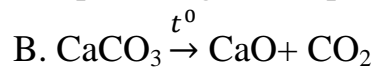
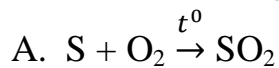
A. tan nhiều trong nước.

B. khó hóa lỏng.

C. nặng hơn không khí.

D. ít tan trong nước.

Câu 19: Phản ứng nào sau đây *không* thuộc loại phản ứng hóa hợp?



Câu 20: Khí nhẹ nhất trong các chất khí là

A. khí O_2 .

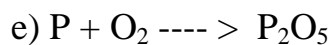
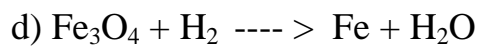
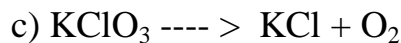
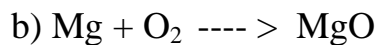
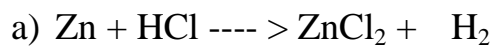
B. khí H_2 .

C. khí N_2 .

D. khí CO_2 .

II. Tự luận (5đ)

Câu 21 (2,5đ): Cân bằng các sơ đồ phản ứng sau và cho biết chúng thuộc loại phản ứng hoá học nào?



Câu 22 (2đ): Cho 7,8 gam kim loại Kẽm tác dụng hoàn toàn với dung dịch axit clohidric (HCl).

a. Tính số mol Kẽm đã dùng và viết PTHH của phản ứng

b. Tính thể tích khí thu được (đktc) sau phản ứng?

c. Dẫn toàn bộ lượng khí thu được ở phản ứng trên qua ống nghiệm chứa 12 gam đồng (II) oxit nung nóng. Tính khối lượng kim loại thu được.

Câu 23 (0,5đ): Đốt cháy hoàn toàn 4,8g một kim loại R chưa rõ hóa trị trong bình chứa khí oxi, người ta thu được 8g Oxit. Xác định tên và kí hiệu của kim loại R.

Biết hoá trị kim loại có giá trị từ I-III

Biết NTK: $H = 1; C = 12; O = 16; Cu = 64; Al = 27; S = 32; Cl = 35,5; P = 31; Zn = 65; Fe = 56; Cr = 52$

Chúc các con làm bài tốt!

ĐỀ 802

I. TRẮC NGHIỆM (5đ)

Ghi lại chữ cái đứng trước câu trả lời đúng nhất.

Câu 1: Oxit vào sau đây có thành phần phần trăm khối lượng oxi nhỏ nhất?

(Cho NTK N = 14, Fe = 56, Al = 27, Cr = 52, O =16)

- A. N_2O_3 B. Fe_2O_3 C. Al_2O_3 D. Cr_2O_3

Câu 2: Tính chất vật lí nào sau đây **không** phải của khí oxi?

- A. không màu, không mùi, không vị. B. ít tan trong nước.
C. nhiệt độ nóng chảy cao. D. nặng hơn không khí.

Câu 3: Người ta thu khí oxi bằng phương pháp đẩy nước là do khí oxi có tính chất

- A. tan nhiều trong nước. B. khó hóa lỏng.
C. nặng hơn không khí. D. ít tan trong nước.

Câu 4: Phản ứng nào sau đây **không** thuộc loại phản ứng hóa hợp?

- A. $S + O_2 \xrightarrow{t^0} SO_2$ B. $CaCO_3 \xrightarrow{t^0} CaO + CO_2$
C. $4Na + O_2 \xrightarrow{t^0} 2Na_2O$ D. $MgO + CO_2 \rightarrow MgCO_3$

Câu 5: Khí nhẹ nhất trong các chất khí là

- A. khí O_2 . B. khí H_2 . C. khí N_2 . D. khí CO_2 .

Câu 6: Dãy gồm toàn các oxit axit là

- A. CaO, SO_2, SO_3 B. P_2O_5, CO_2, CaO
C. K_2O, NO_2, CO_2 D. P_2O_5, CO_2, NO_2

Câu 7: Chất nào sau đây được dùng để điều chế oxi trong PTN?

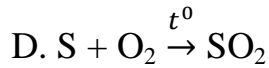
- A. $CaCO_3$ B. SO_2
C. $KClO_3$ D. P_2O_5

Câu 8: Cần bao nhiêu gam lưu huỳnh để đốt cháy hết 3,36 lít khí oxi?

- A. 1,4 g B. 4,8 g C. 6,9 g D. 2,4 g

Câu 9: Phản ứng nào sau đây là phản ứng phân hủy?

- A. $2KMnO_4 \xrightarrow{t^0} K_2MnO_4 + MnO_2 + O_2$
B. $Mg + 2HCl \rightarrow MgCl_2 + H_2$
C. $2NO + O_2 \rightarrow 2NO_2$



Câu 10: Công thức hóa học của sắt(III) oxit là

- A. Fe_2O_3 B. Fe_3O_2
C. FeO D. Fe_3O_4

Câu 11: Chọn từ thích hợp điền vào chỗ trống trong câu sau:

“.....là sự oxi hóa có tỏa nhiệt và phát sáng.”

- A. Sự oxi hóa chậm B. Sự cháy
C. Sự tự bốc cháy D. Sự khử

Câu 12: Đinitơ oxit là tên của oxit nào?

- A. NO B. N_2O C. N_2O_3 D. N_2O_5

Câu 13: Cho các chất sau: $MgCO_3$, CuO , HgO , $Ca(OH)_2$, P_2O_5 , $KClO_3$ có bao nhiêu chất là oxit?

- A. 2 B. 3 C. 1 D. 4

Câu 14: Dùng khí hiđro khử hoàn toàn 11,6 gam sắt từ oxit (Fe_3O_4). Thể tích khí hiđro cần cho phản ứng ở (đktc) là

- A. 4,48 lít. B. 1,12 lít. C. 6,72 lít. D. 2,24 lít.

Câu 15: Khí Hiđro dùng trong lĩnh vực nào sau đây?

- A. Dùng làm nhiên liệu. B. Cấp cứu bệnh nhân suy hô hấp.
C. Sản xuất bánh kẹo. C. Dệt may.

Câu 16: Hỗn hợp nổ mạnh nhất của hiđro và oxi có tỉ lệ $V_{H_2} : V_{O_2}$ là

- A. 1: 2 B. 1: 1 C. 2: 1 D. 2:3

Câu 17: Oxit là hợp chất của oxi với

- A. một nguyên tố kim loại. B. một nguyên tố phi kim khác.
C. các nguyên tố hóa học khác. D. một nguyên tố hóa học khác.

Câu 18: Quá trình nào dưới đây không làm giảm lượng oxi trong không khí?

- A. Sự gỉ của các vật dụng bằng sắt.
B. Sự cháy của than, củi, bếp ga.
C. Sự quang hợp của cây xanh.
D. Sự hô hấp của động vật.

Câu 19: Chọn định nghĩa phản ứng phân huỷ đầy đủ nhất?

- A. Phản ứng phân huỷ là phản ứng hoá học trong đó một chất sinh ra một chất mới.
B. Phản ứng phân huỷ là phản ứng hoá học trong đó một chất sinh ra hai chất mới.

C. Phản ứng phân huỷ là phản ứng hoá học trong đó một chất sinh ra hai hay nhiều chất mới.

D. Phản ứng phân huỷ là phản ứng hoá học có chất khí thoát ra.

Câu 20: Sự oxi hoá chậm là

A. sự oxi hoá mà không toả nhiệt.

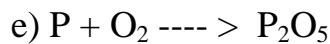
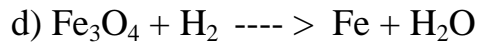
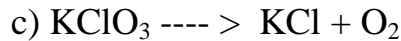
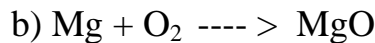
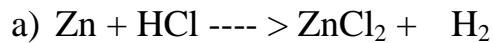
B. sự oxi hoá mà không phát sáng.

C. sự oxi hoá có toả nhiệt mà không phát sáng.

D. sự tự bốc cháy.

II. Tự luận (5đ)

Câu 21 (2,5đ): Cân bằng các sơ đồ phản ứng sau và cho biết chúng thuộc loại phản ứng hoá học nào?



Câu 22 (2đ): Cho 7,8 gam kim loại Kẽm tác dụng hoàn toàn với dung dịch axit clohidric (HCl).

a. Tính số mol Kẽm đã dùng và viết PTHH của phản ứng

b. Tính thể tích khí thu được (đktc) sau phản ứng?

c. Dẫn toàn bộ lượng khí thu được ở phản ứng trên qua ống nghiệm chứa 12 gam đồng (II) oxit nung nóng. Tính khối lượng kim loại thu được.

Câu 23 (0,5đ): Đốt cháy hoàn toàn 4,8g một kim loại R chưa rõ hóa trị trong bình chứa khí oxi, người ta thu được 8g Oxit. Xác định tên và kí hiệu của kim loại R.

Biết hoá trị kim loại có giá trị từ I-III

Biết NTK: $H = 1; C = 12; O = 16; Cu = 64; Al = 27; S = 32; Cl = 35,5; P = 31; Zn = 65, Fe = 56, Cr = 52$

Chúc các con làm bài tốt!

ĐỀ 803

I. TRẮC NGHIỆM (5đ)

Hãy khoanh tròn vào chữ cái đứng trước đáp án đúng

Câu 1: Dãy gồm toàn các oxit axit là

- A. CaO, SO₂, SO₃ B. P₂O₅, CO₂, CaO
C. K₂O, NO₂, CO₂ D. P₂O₅, CO₂, NO₂

Câu 2: Chất nào sau đây được dùng để điều chế oxi trong PTN?

- A. CaCO₃ B. SO₂
C. KClO₃ D. P₂O₅

Câu 3: Cần bao nhiêu gam lưu huỳnh để đốt cháy hết 3,36 lít khí oxi?

- A. 1,4 g B. 4,8 g C. 6,9 g D. 2,4 g

Câu 4: Phản ứng nào sau đây là phản ứng phân hủy?

- A. $2\text{KMnO}_4 \xrightarrow{t^0} \text{K}_2\text{MnO}_4 + \text{MnO}_2 + \text{O}_2$
B. $\text{Mg} + 2\text{HCl} \rightarrow \text{MgCl}_2 + \text{H}_2$
C. $2\text{NO} + \text{O}_2 \rightarrow 2\text{NO}_2$
D. $\text{S} + \text{O}_2 \xrightarrow{t^0} \text{SO}_2$

Câu 5: Công thức hóa học của sắt(III) oxit là

- A. Fe₂O₃ B. Fe₃O₂
C. FeO D. Fe₃O₄

Câu 6: Hỗn hợp nổ mạnh nhất của hidro và oxi có tỉ lệ VH₂ : VO₂ là

- A. 1: 2 B. 1: 1 C. 2: 1 D. 2:3

Câu 7: Oxit là hợp chất của oxi với

- A. một nguyên tố kim loại. B. một nguyên tố phi kim khác.
C. các nguyên tố hóa học khác. D. một nguyên tố hóa học khác.

Câu 8: Quá trình nào dưới đây không làm giảm lượng oxi trong không khí?

- A. Sự gỉ của các vật dụng bằng sắt.
B. Sự cháy của than, củi, bếp ga.
C. Sự quang hợp của cây xanh.
D. Sự hô hấp của động vật.

Câu 9: Chọn định nghĩa phản ứng phân hủy đầy đủ nhất?

- A. Phản ứng phân huỷ là phản ứng hoá học trong đó một chất sinh ra một chất mới.
- B. Phản ứng phân huỷ là phản ứng hoá học trong đó một chất sinh ra hai chất mới.
- C. Phản ứng phân huỷ là phản ứng hoá học trong đó một chất sinh ra hai hay nhiều chất mới.
- D. Phản ứng phân huỷ là phản ứng hoá học có chất khí thoát ra.

Câu 10: Sự oxi hoá chậm là

- A. sự oxi hoá mà không toả nhiệt.
- B. sự oxi hoá mà không phát sáng.
- C. sự oxi hoá có toả nhiệt mà không phát sáng.
- D. sự tự bốc cháy.

Câu 11: Oxit vào sau đây có thành phần phần trăm khối lượng oxi nhỏ nhất?

(Cho NTK N = 14, Fe = 56, Al = 27, Cr = 52, O = 16)

- A. N_2O_3
- B. Fe_2O_3
- C. Al_2O_3
- D. Cr_2O_3

Câu 12: Tính chất vật lí nào sau đây **không** phải của khí oxi?

- A. không màu, không mùi, không vị.
- B. ít tan trong nước.
- C. nhiệt độ nóng chảy cao.
- D. nặng hơn không khí.

Câu 13: Người ta thu khí oxi bằng phương pháp đẩy nước là do khí oxi có tính chất

- A. tan nhiều trong nước.
- B. khó hóa lỏng.
- C. nặng hơn không khí.
- D. ít tan trong nước.

Câu 14: Phản ứng nào sau đây **không** thuộc loại phản ứng hóa hợp?

- A. $S + O_2 \xrightarrow{t^0} SO_2$
- B. $CaCO_3 \xrightarrow{t^0} CaO + CO_2$
- C. $4Na + O_2 \xrightarrow{t^0} 2Na_2O$
- D. $MgO + CO_2 \rightarrow MgCO_3$

Câu 15: Khí nhẹ nhất trong các chất khí là

- A. khí O_2 .
- B. khí H_2 .
- C. khí N_2 .
- D. khí CO_2 .

Câu 16: Chọn từ thích hợp điền vào chỗ trống trong câu sau:

“.....là sự oxi hóa có tỏa nhiệt và phát sáng.”

- A. Sự oxi hóa chậm
- B. Sự cháy
- C. Sự tự bốc cháy
- D. Sự khử

Câu 17: Đinitơ oxit là tên của oxit nào?

- A. NO
- B. N_2O
- C. N_2O_3
- D. N_2O_5

Câu 18: Cho các chất sau: $MgCO_3$, CuO , HgO , $Ca(OH)_2$, P_2O_5 , $KClO_3$ có bao nhiêu chất là oxit?

- A. 3 B. 2 C. 1 D. 4

Câu 19: Dùng khí hidro khử hoàn toàn 11,6 gam sắt từ oxit (Fe_3O_4). Thể tích khí hidro cần cho phản ứng ở (đktc) là

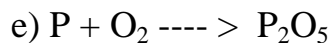
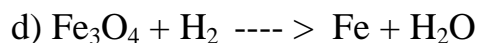
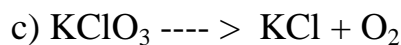
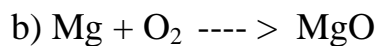
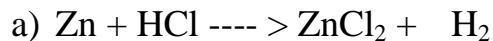
- A. 4,48 lít. B. 1,12 lít. C. 6,72 lít. D. 2,24 lít.

Câu 20: Khí Hidro dùng trong lĩnh vực nào sau đây?

- A. Dùng làm nhiên liệu. B. Cấp cứu bệnh nhân suy hô hấp.
C. Sản xuất bánh kẹo. C. Dệt may.

II. Tự luận (5đ)

Câu 21 (2,5đ): Cân bằng các sơ đồ phản ứng sau và cho biết chúng thuộc loại phản ứng hoá học nào?



Câu 22 (2đ): Cho 7,8 gam kim loại Kẽm tác dụng hoàn toàn với dung dịch axit clohidric (HCl).

- Tính số mol Kẽm đã dùng và viết PTHH của phản ứng
- Tính thể tích khí thu được (đktc) sau phản ứng?
- Dẫn toàn bộ lượng khí thu được ở phản ứng trên qua ống nghiệm chứa 12 gam đồng (II) oxit nung nóng. Tính khối lượng kim loại thu được.

Câu 23 (0,5đ): Đốt cháy hoàn toàn 4,8g một kim loại R chưa rõ hóa trị trong bình chứa khí oxi, người ta thu được 8g Oxit. Xác định tên và kí hiệu của kim loại R.

Biết hoá trị kim loại có giá trị từ I-III

Biết NTK: $H = 1$; $C = 12$; $O = 16$; $Cu = 64$; $Al = 27$; $S = 32$; $Cl = 35,5$; $P = 31$; $Zn = 65$, $Fe = 56$, $Cr = 52$

Chúc các con làm bài tốt!

ĐỀ 804

I. TRẮC NGHIỆM (5đ)

Hãy khoanh tròn vào chữ cái đứng trước đáp án đúng

Câu 1: Công thức hóa học của sắt(III) oxit là

- A. Fe_2O_3 B. Fe_3O_2
C. FeO D. Fe_3O_4

Câu 2: Chọn từ thích hợp điền vào chỗ trống trong câu sau:

“.....là sự oxi hóa có tỏa nhiệt và phát sáng.”

- A. Sự oxi hóa chậm B. Sự cháy
C. Sự tự bốc cháy D. Sự khử

Câu 3: Đinitơ oxit là tên của oxit nào?

- A. NO B. N_2O C. N_2O_3 D. N_2O_5

Câu 4: Cho các chất sau: MgCO_3 , CuO , HgO , $\text{Ca}(\text{OH})_2$, P_2O_5 , KClO_3 có bao nhiêu chất là oxit?

- A. 2 B. 3 C. 1 D. 4

Câu 5: Dùng khí hiđro khử hoàn toàn 11,6 gam sắt từ oxit (Fe_3O_4). Thể tích khí hiđro cần cho phản ứng ở (đktc) là

- A. 4,48 lít. B. 1,12 lít. C. 6,72 lít. D. 2,24 lít.

Câu 6: Khí Hiđro dùng trong lĩnh vực nào sau đây?

- A. Dùng làm nhiên liệu. B. Cấp cứu bệnh nhân suy hô hấp.
C. Sản xuất bánh kẹo. C. Dệt may.

Câu 7: Oxit vào sau đây có thành phần phần trăm khối lượng oxi nhỏ nhất?

(Cho NTK N = 14, Fe = 56, Al = 27, Cr = 52, O =16)

- A. N_2O_3 B. Fe_2O_3 C. Al_2O_3 D. Cr_2O_3

Câu 8: Tính chất vật lí nào sau đây **không** phải của khí oxi?

- A. không màu, không mùi, không vị. B. ít tan trong nước.
C. nhiệt độ nóng chảy cao. D. nặng hơn không khí.

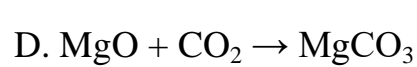
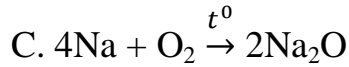
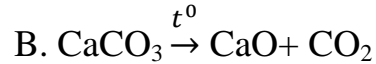
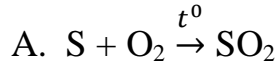
Câu 9: Người ta thu khí oxi bằng phương pháp đẩy nước là do khí oxi có tính chất

- A. tan nhiều trong nước. B. khó hóa lỏng.

C. nặng hơn không khí.

D. ít tan trong nước.

Câu 10: Phản ứng nào sau đây *không* thuộc loại phản ứng hóa hợp?



Câu 11: Khí nhẹ nhất trong các chất khí là

A. khí O_2 .

B. khí H_2 .

C. khí N_2 .

D. khí CO_2 .

Câu 12: Dãy gồm toàn các oxit axit là

A. CaO, SO_2, SO_3

B. P_2O_5, CO_2, CaO

C. K_2O, NO_2, CO_2

D. P_2O_5, CO_2, NO_2

Câu 13: Chất nào sau đây được dùng để điều chế oxi trong PTN?

A. $CaCO_3$

B. SO_2

C. $KClO_3$

D. P_2O_5

Câu 14: Cần bao nhiêu gam lưu huỳnh để đốt cháy hết 3,36 lít khí oxi?

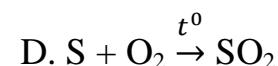
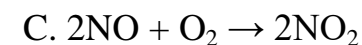
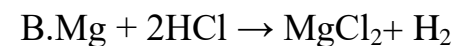
A. 1,4 g

B. 4,8 g

C. 6,9 g

D. 2,4 g

Câu 15: Phản ứng nào sau đây là phản ứng phân hủy?



Câu 16: Hỗn hợp nổ mạnh nhất của hidro và oxi có tỉ lệ $V_{H_2} : V_{O_2}$ là

A. 1: 2

B. 1: 1

C. 2: 1

D. 2:3

Câu 17: Oxit là hợp chất của oxi với

A. một nguyên tố kim loại.

B. một nguyên tố phi kim khác.

C. các nguyên tố hóa học khác.

D. một nguyên tố hóa học khác.

Câu 18: Quá trình nào dưới đây không làm giảm lượng oxi trong không khí?

A. Sự gỉ của các vật dụng bằng sắt.

B. Sự cháy của than, củi, bếp ga.

C. Sự quang hợp của cây xanh.

D. Sự hô hấp của động vật.

Câu 19: Chọn định nghĩa phản ứng phân hủy đầy đủ nhất?

A. Phản ứng phân hủy là phản ứng hoá học trong đó một chất sinh ra một chất mới.

B. Phản ứng phân hủy là phản ứng hoá học trong đó một chất sinh ra hai chất mới.

C. Phản ứng phân huỷ là phản ứng hoá học trong đó một chất sinh ra hai hay nhiều chất mới.

D. Phản ứng phân huỷ là phản ứng hoá học có chất khí thoát ra.

Câu 20: Sự oxi hoá chậm là

A. sự oxi hoá mà không toả nhiệt.

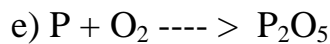
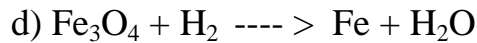
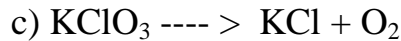
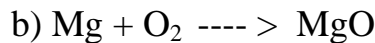
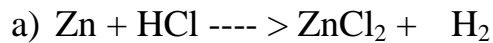
B. sự oxi hoá mà không phát sáng.

C. sự oxi hoá có toả nhiệt mà không phát sáng.

D. sự tự bốc cháy.

II. Tự luận (5đ)

Câu 21 (2,5đ): Cân bằng các sơ đồ phản ứng sau và cho biết chúng thuộc loại phản ứng hoá học nào?



Câu 22 (2đ): Cho 7,8 gam kim loại Kẽm tác dụng hoàn toàn với dung dịch axit clohidric (HCl).

a. Tính số mol Kẽm đã dùng và viết PTHH của phản ứng

b. Tính thể tích khí thu được (đktc) sau phản ứng?

c. Dẫn toàn bộ lượng khí thu được ở phản ứng trên qua ống nghiệm chứa 12 gam đồng (II) oxit nung nóng. Tính khối lượng kim loại thu được.

Câu 23 (0,5đ): Đốt cháy hoàn toàn 4,8g một kim loại R chưa rõ hóa trị trong bình chứa khí oxi, người ta thu được 8g Oxit. Xác định tên và kí hiệu của kim loại R.

Biết hoá trị kim loại có giá trị từ I-III

Biết NTK: $H = 1; C = 12; O = 16; Cu = 64; Al = 27; S = 32; Cl = 35,5; P = 31; Zn = 65, Fe = 56, Cr = 52$

Chúc các con làm bài tốt!

ĐỀ DỰ PHÒNG

Câu 1: Phản ứng sau: $Mg + H_2SO_4 \rightarrow MgSO_4 + H_2\uparrow$ thuộc loại phản ứng gì?

- A. Phản ứng thế.
B. Phản ứng phân hủy.
C. Phản ứng hóa hợp.
D. Phản ứng trao đổi.

Câu 2: Oxit là hợp chất của oxi với

- A. một nguyên tố kim loại.
B. một nguyên tố phi kim khác.
C. các nguyên tố hóa học khác.
D. một nguyên tố hóa học khác.

Câu 3: Quá trình nào dưới đây không làm giảm lượng oxi trong không khí?

- A. Sự gỉ của các vật dụng bằng sắt.
B. Sự cháy của than, củi, bếp ga.
C. Sự quang hợp của cây xanh.
D. Sự hô hấp của động vật.

Câu 4: Chọn định nghĩa phản ứng phân hủy đầy đủ nhất?

- A. Phản ứng phân hủy là phản ứng hoá học trong đó một chất sinh ra một chất mới.
B. Phản ứng phân hủy là phản ứng hoá học trong đó một chất sinh ra hai chất mới.
C. Phản ứng phân hủy là phản ứng hoá học trong đó một chất sinh ra hai hay nhiều chất mới.
D. Phản ứng phân hủy là phản ứng hoá học có chất khí thoát ra.

Câu 5: Sự oxi hoá chậm là

- A. sự oxi hoá mà không toả nhiệt.
B. sự oxi hoá mà không phát sáng.
C. sự oxi hoá có toả nhiệt mà không phát sáng.
D. sự tự bốc cháy.

Câu 6: Dãy gồm toàn các oxit bazơ là

- A. CuO , NO_2 , CaO .
B. P_2O_3 , K_2O , NO_2 .
C. K_2O , MgO , CaO .
D. P_2O_5 , CO_2 , CuO .

Câu 7: Trong PTN, hóa chất được dùng để điều chế khí oxi là gì?

- A. $KMnO_4$, H_2O .
B. $CaCO_3$, $KClO_3$
C. $KClO_3$, $KMnO_4$.
D. H_2O , $KClO_3$

Câu 8: Cần dùng bao nhiêu gam lưu huỳnh để đốt cháy hết 1,12 lít oxi?

A. 3,2 g B. 1,6 g C. 0,8 g D. 3,6 g

Câu 9: Người ta thu khí oxi bằng phương pháp đẩy nước là do khí oxi có tính chất

- A. tan nhiều trong nước. B. khó hóa lỏng.
C. nặng hơn không khí. D. ít tan trong nước.

Câu 10: Khí nhẹ nhất trong các chất khí là

- A. khí O₂. B. khí H₂. C. khí N₂. D. khí CO₂.

Câu 11: Vì sao trong viên than tổ ong có những lỗ rỗng?

- A. Để giảm diện tích tiếp xúc của than với không khí.
B. Để tăng diện tích tiếp xúc của than với oxi không khí.
C. Để cung cấp nhiều khí hiđro cho sự cháy.
D. Để cung cấp nhiều khí nitơ cho sự cháy.

Câu 12: Để dập tắt đám cháy do xăng, dầu **không nên** dùng cách nào trong các cách sau?

- A. Phun nước vào đám cháy.
B. Phủ khăn ướt lên đám cháy.
C. Phủ cát lên đám cháy.
D. Dùng bình cứu hỏa phun vào đám cháy.

Câu 13: Thành phần không khí gồm

- A. 21% N₂ ; 78% O₂ và 1% là các khí khác.
B. 78% N₂ ; 21% O₂ và 1% là các khí khác.
C. 50% N₂ ; 20% O₂ và 30% là các khí khác.
D. 100% O₂

Câu 14: Cho các chất sau: MgCO₃, CuO, HgO, Ca(OH)₂, P₂O₅, KClO₃ có bao nhiêu chất là oxit?

- A. 2 B. 3 C. 1 D. 4

Câu 15: Hỗn hợp nổ mạnh nhất của hidro và oxi có tỉ lệ VH₂ : VO₂ là

- A. 1: 2 B. 1: 1 C. 2: 1 D. 2:3

Câu 16: Hoạt động nào sau đây gây ô nhiễm không khí?

- A. Sản xuất công nghiệp. B. Trồng cây.
C. Đi xe đạp. D. Triều cường.

Câu 17: Dẫn khí H₂ vào ống nghiệm đựng bột CuO nung nóng thì:

- A. Có chất rắn màu đỏ và hơi nước xuất hiện.
B. Có chất rắn màu đen và hơi nước xuất hiện.
C. Không có hiện tượng gì.
D. Có hơi nước thoát ra.

Câu 18: Cặp chất được dùng để điều chế khí Hidro trong phòng thí nghiệm là:

- A. H₂ và CuO. B. CaO và H₂O. C. Al và HCl. D. Ag và HCl.

Câu 19: Tên gọi của Al₂O₃ là:

- A. Nhôm oxit.

B. Nhôm (III) oxit.

C. Đi nhôm trioxit.

D. Nhôm (II) oxit.

Câu 20: Dùng khí hiđro khử hoàn toàn 11,6 gam sắt từ oxit (Fe_3O_4). Thể tích khí hiđro cần cho phản ứng ở (đktc) là

A. 4,48 lít.

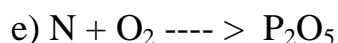
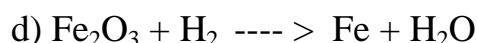
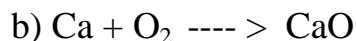
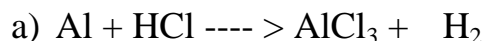
B. 1,12 lít.

C. 6,72 lít.

D. 2,24 lít.

II. Tự luận

Bài 21(2,5 điểm). Cân bằng các sơ đồ phản ứng sau và cho biết chúng thuộc loại phản ứng hoá học nào?



Bài 22 (2 điểm). Cho 8,4 gam kim loại sắt tác dụng hoàn toàn với dung dịch axit clohidric (HCl).

a. Tính số mol sắt và viết PTHH

b. Tính thể tích khí thu được ở đktc

c. Dẫn toàn bộ lượng khí thu được ở trên qua bình chứa 3,36 lít khí oxi (đktc). Tính khối lượng nước thu được

Câu 23 (0,5đ): Đốt cháy hoàn toàn 4,8g một kim loại R chưa rõ hóa trị trong bình chứa khí oxi, người ta thu được 8g Oxit. Xác định tên và kí hiệu của kim loại R.

Biết hoá trị kim loại có giá trị từ I-III